

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+PVD8+SAVR	7:25	11+4+3	0+0+0	5+2+13	0+0+0	chuyen 1 TD1-PVD8chuyen 1 VD8-SAVR	
2		BK3+P2+TD5	7:25	6+14+1	0+0+0	1+11+9	0+0+0	chuyen 2 TD3-P10chuyen 4 P10-BK14	
3		TD3+P10+BK14	7:25	19+1+2	0+0+0	13+3+3	0+0+0	chuyen 2 p1-td1chuyen 1 td1-td2	
4		P1+TD1+TD2	9:25	7+12+2	0+0+0	5+10+6	0+0+0	chuyen 2p8-td5	
5		TD3+P8+TD5	9:25	11+4+4	0+0+0	7+9+5	0+0+0		
6		RP3+CLO+BK8	9:25	2+19+0	0+0+0	1+18+2	0+0+0		
7		TD2+BK6+BK3	11:25	18+2+0	0+0+0	14+0+6	0+0+0	chuyen 1 TTC2-P8	
8		TTC2+P8	11:25	0+18	0+0	0+16	0+0		
9		GTCL+MRM+RCS	12:00	4+16+0	0+0+0	0+2+2	0+0+0	chuyen 2 CTC1-MRm	
10		CTC1+MRM	12:00	0+19	0+0	0+0	0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Bk3-6 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TD1 - PVD8 - SAVR	CREW: XHOÀN - CHIẾN - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1713	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	42	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN NAM	TD1	33	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC BAO	TD1	36	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HỘI	TD1	44	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ANH	TD1	41	1	11	1	17	84	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH ĐỨC TIỀN	TD1	39	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN SANG	TD1	43	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG HÙNG	TD1	37-38	2	12			73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	40	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	34	1	6			95	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH HOANG	TD1	35	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
12	ZAY YAR MIN SAN	PVD8	96-97	2	11	2	47	61	DMC-MI	Myanmar
13	TRẦN ĐẠC LIÊM	PVD8	94	1	13	3	85	87	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	PVD8	95	1	12	2	22	69	ANTOAN	Vietnamese
15	LÊ MẠNH THẮNG	PVD8	98	1	6			69	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG SƠN	SAVR	75-76	2	16			75	BAKER HUC	Vietnamese
17	ISPERIZON ISPERIZON	SAVR	77-78	2	21			69	BAKER HUC	Indonesian
18	ĐÌNH TRẦN ĐỨC TRI	SAVR	73-74	2	15			62	BAKER HUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	11	809	12	77	1	17	5	4	CHUYEN 1 PAX TU TDI SANG PVD8
2	PVD8	4	286	5	42	7	154	3	4	CHUYEN 1 PAX TU PVD8 SANG SAVR
3	SAVR	3	206	6	52	0	0	13		
TOTAL		18	1.301	23	171	8	171	21		
WEIGHT KG			1.301		171		171			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK3 - P2 - TD5	CREW: HUNG - N.CUONG - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1716	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG ANH TU	BK3						77	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HUU THE	BK3				3	50	63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	BK3						79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HAI KIEN	BK3						78	KHI	Vietnamese
5	LAM THI HUONG	BK3						68	NIPI	Vietnamese
6	PHAN VAN THINH	BK3						74	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN THE ANH	P2	03	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TRONG PHONG	P2	04	1	7			75	YTE	Vietnamese
9	LUU ANH TUAN	P2	80	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN XUAN TRUONG	P2	76-77	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN TIEN DUNG	P2	74-75	2	12			69	XAYLAP	Vietnamese
12	LEU VAN DUOC	P2	78-79	2	18			56	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THANH	P2	72-73	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
14	VU XUAN HOI	P2	02	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
15	LE TIEN LOI	P2	71	1	5			67	PSV	Vietnamese
16	TRAN VIET BINH	P2	08	1	5			59	PSV	Vietnamese
17	DO HOANG PHUONG NAM	P2	06	1	6			87	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HONG DUONG	P2	07	1	5			57	PSV	Vietnamese
19	PHAM HONG VAN	P2	05	1	7			69	PSV	Vietnamese
20	BUI THANH TUNG	P2	81	1	8			65	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN CHIEN	TD5	85	1	3	1	9	78	KHOAN	Vietnamese
22	LE KHAC BAO	TD5	86	1	7			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	6	439	0	0	3	50	1		
2	P2	14	959	18	134	0	0	11		
3	TD5	2	141	2	10	1	9	9		
TOTAL		22	1.539	20	144	4	59	21		
WEIGHT KG			1.539		144		59			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHU' CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:TD3 - P10 - BK14	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1720	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐOAN QUANG BAC	TD3	94	1	5	2	40	70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	96	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
3	LẠI THÈ ĐẠT	TD3	500	1	6			89	KHOAN	Vietnamese
4	BUI CONG SON	TD3	90	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN LY	TD3	89	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUNG	TD3	93	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HONG THAI	TD3	95	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
8	VU TIEN DUNG	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
9	LA THANH	TD3	05	1	6	3	23	86	YTE	Vietnamese
10	TRINH HOANG KHANH	TD3	92	1	6			85	KHOAN	Vietnamese
11	LE GIAP	TD3	99	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
12	GIMRANOV M. G.	TD3	87-88	2	18			81	KHOAN	Russian
13	LE THE CONG	TD3	02	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NAM CUONG	TD3	97	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TUAN	TD3	01	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOAN VAN MUOI	TD3	91	1	14			62	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THANH TUNG	TD3	98	1	14			94	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN THIEN	TD3	03	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
19	NHAM DIEN BIEN	TD3	04	1	5			74	NIPI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN QUYEN	P10	85	1	12	1	10	67	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM VAN ĐAM	BK14	35-36	2	13	2	35	67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	19	1.425	19	158	5	63	13	2	CHUYEN 2 PAX TD3-P10
2	P10	1	67	1	12	1	10	3	4	CHUYEN 4 PAX P10-BK14
3	BK14	1	67	2	13	2	35	3		
TOTAL		21	1.559	22	183	8	108	19		
WEIGHT KG			1.559		183		108			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:05
B.CARD: XANH-2	TO: P1 - TD1 - TD2	CREW: KHOÀN - CHIẾN - HUY	ETA: 11:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1722	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TIẾP	P1	96-97	2	20			74	DVL	Vietnamese
2	VŨ ANH TRỌNG	P1	95	1	11			67	DVL	Vietnamese
3	PHẠM THANH NHA	P1	93	1	3			80	PSV	Vietnamese
4	NGÔ VĂN THANH	P1	94	1	10			64	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	92	1	5			68	PSV	Vietnamese
6	PHẠM PHU BÌNH	P1	91	1	6			67	PSV	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	P1	90	1	6			88	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TD1	46	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD1	61	1	17			86	DVL	Vietnamese
10	LÊ VĂN THĂNG	TD1	60	1	12			77	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD1	47-48	2	11			68	DVL	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THUẬT	TD1	59	1	17			80	DVL	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC THẮNG	TD1	51	1	9			76	DVL	Vietnamese
14	THIỆU VĂN LONG	TD1	56	1	8			72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC SƠN	TD1	54-55	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
16	DUƠNG VĂN TUẤN	TD1	47-48	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TỈNH	TD1	49-50	2	22			71	XAYLAP	Vietnamese
18	DUƠNG BỬU LAM	TD1	52-53	2	22			63	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	TD1						77	PSV	Vietnamese
20	VANEEV DMITRIY	TD2	32	1	11	3	28	102	KHOAN	Russian
21	GROMOV SERGEY	TD2	31	1	11			85	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	7	508	8	61	0	0	5	2	CHUYEN 2 PAX P1-TD1
2	TD1	12	877	16	162	0	0	9		
3	TD2	2	187	2	22	3	28	6		
TOTAL		21	1.572	26	245	3	28	20		
WEIGHT KG			1.572		245		28			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO:RP3 - CLO - BK8	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1717	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGÔ PHẠM THANH HUY	RP3	39-40	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY HOANG	RP3	37-38	2	19			76	NIPI	Vietnamese
3	VOROBYEV SERGEY	CLO	93	1	4			101	KHOAN	Russian
4	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	88	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	92	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	CLO	70	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	CLO	97	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	83	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN HỮU SƠN	CLO	87	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN PHÚ	CLO	98	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VĂN TUẤN	CLO	91	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN BUI QUANG	CLO	84	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VĂN QUYÊN	CLO	99	1	9			68	YTE	Vietnamese
14	TRẦN DOAN SỬU	CLO	94	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TUẤN	CLO	89-90	2	11			68	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRUNG HIỆU	CLO	85-86	2	10			71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ HUY	CLO	800	1	19	3	31	80	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ THANH HẢI	CLO	80	1	9			68	DVL	Vietnamese
19	VU ANH MINH	CLO	81	1	10	1	11	77	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	96	1	8			68	PSV	Vietnamese
21	HOANG HỮU THU	CLO	95	1	8			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	2	157	4	35	0	0	1		
2	CLO	19	1.400	21	148	4	42	19		
3	BK8	0	0	0	0	2	35	2		
TOTAL		21	1.557	25	183	6	77	22		
WEIGHT KG			1.557		183		77			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - P8 - TD5	CREW: HUNG - N.CUONG - DTUNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1714	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HOANG LONG	TD3	22	1	10			69	DVL	Vietnamese
2	PHAM THE CUONG	TD3	16-17	2	17			64	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN PHI LONG	TD3	27	1	18			71	DVL	Vietnamese
4	LUONG XUAN DUOC	TD3	11	1	3			66	PSV	Vietnamese
5	PHAN CHINH QUY	TD3	19	1	6			68	PSV	Vietnamese
6	LE VAN HOA	TD3	20	1	5	4	70	79	LONG VU	Vietnamese
7	LUU MINH SANG	TD3	12	1	8			59	LONG VU	Vietnamese
8	LY TRUNG TIN	TD3	18	1	7			53	LONG VU	Vietnamese
9	DANG TRUONG AN	TD3	21	1	8			59	LONG VU	Vietnamese
10	NGO TRONG PHUC	TD3	14-15	2	19			82	LONG VU	Vietnamese
11	DAO CHI DONG	TD3	13	1	7			63	LONG VU	Vietnamese
12	BUI VAN CHINH	P8						90	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MINH HIEU	P8	36	1	4	3	50	72	KHOAN	Vietnamese
14	VO VAN HUNG	P8	41	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TAN PHUOC	P8	40	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VIET PHUONG	TD5	13	1	7			70	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN MINH HIEU	TD5	14-15	2	13			82	KHOAN	Vietnamese
18	TO THANH HUNG	TD5	12,16	2	9			57	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	11	733	13	108	4	70	7		
2	P8	4	292	3	16	3	50	9	2	CHUYEN 2 PAX P8-TD5
3	TD5	3	209	5	29	0	0	5		
TOTAL		18	1.234	21	153	7	120	21		
WEIGHT KG			1.234		153		120			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
B.CARD: CAM-3	TO:TD2 - BK6 - BK3	CREW: DUONG - MTHAO - QUÂN	ETA: 13:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1721	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI HUU HONG	TD2	47	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	43	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
3	BUI TRUNG THO	TD2						70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	TD2	42	1	7			54	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG CONG QUANG	TD2	56	1	17			104	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG DUC MANH	TD2	50-51	2	11			80	KHOAN	Vietnamese
7	LE PHU	TD2	49	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG KIEN	TD2	41	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
9	MAMAEV M. R.	TD2	44-45	2	13			115	KHOAN	Russian
10	TRAN TRONG TIEN	TD2	53	1	16			79	KHOAN	Vietnamese
11	NGO DUY NGOC	TD2	54	1	15			68	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN MANH	TD2	48	1	12			62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THACH	TD2	46	1	7			59	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HAO	TD2	55	1	13			82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH TAM	TD2	38	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THANH	TD2	39	1	6	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN HUNG ANH	TD2	52	1	14			69	PSV	Vietnamese
18	LUU VAN MANH	TD2	57-58	2	12			61	KHOAN	Vietnamese
19	DANG VAN DAN	BK6	40	1	8	3	50	64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THE ANH	BK6	41	1	12			84	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.342	20	179	1	15	8		
2	BK6	2	148	2	20	3	50	0		
3	BK3	0	0	0	0	1	20	6		
TOTAL		20	1.490	22	199	5	85	14		
WEIGHT KG			1.490		199		85			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

BUI HOANG DUONG

MAI VAN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:05
B.CARD: VANG-3	TO: TTC2 - P8	CREW: VIỆT - SON - NNAM	ETA: 13:45
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/1723	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHUÁT QUANG KIẾN	P8	53	1	8	4	75	69	KHOAN	Vietnamese
2	VY HÙNG CƯỜNG	P8	48	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN HIỀN	P8	47	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN MẠO	P8	52	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
5	TELESHENKO IVAN	P8	44	1	20			100	KHOAN	Russian
6	BUI NGỌC LAM	P8	45	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HÙNG	P8	54	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TUẤN	P8	50	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P8	51	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN TUẤN LONG	P8	57	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TIẾN DUNG	P8	49	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHAN ĐIẾP	P8	43	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	P8	59	1	12	1	21	68	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VĂN SANG	P8	55-56	2	15			69	DVL	Vietnamese
15	MAI VĂN DƯƠNG	P8	46	1	14			84	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P8						66	PSV	Vietnamese
17	LÊ CAO HAI	P8	58	1	6			64	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN VIỆT	P8	42	1	5			82	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN PHU	P8	61	1	4			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	0	0	0	0	0	0	0		CHUYỂN 1 PAX TTC2--P8
2	P8	19	1.365	19	146	5	96	16		
TOTAL		19	1.365	19	146	5	96	16		
WEIGHT KG			1.365		146		96			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:10
B.CARD: XANH-4	TO:GTC1 - MRM - RC5	CREW: DƯƠNG - MTHAO - MQUÂN	ETA: 16:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/1715	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ TRUNG KIÊN	GTC1	20	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA CUÔNG	GTC1	23	1	13	1	15	72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	GTC1	21-22	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THAI THANH	GTC1	46-47	2	17			77	KH-THAC	Vietnamese
5	BORIS PANKOV	MRM	60	1	10	4	123	92	HALLIBUR	Russian
6	LÊ CÔNG KHANH	MRM	61	1	15			65	HALLIBUR	Vietnamese
7	KIRICHENKO K.P.	MRM	54	1	9			87	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN MẠNH HOAN	MRM	53	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
9	DEMIN YURI	MRM	51	1	9			102	KHOAN	Russian
10	PHAN NGỌC TIÊN	MRM	63	1	9			61	DVL	Vietnamese
11	CHU ĐÌNH THANH	MRM	62	1	6			55	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT SŨ	MRM	66	1	8			61	VTB	Vietnamese
13	TRẦN HAI ĐĂNG	MRM	65	1	7			68	VTB	Vietnamese
14	TRẦN VĂN BÌNH	MRM	64	1	10			63	VTB	Vietnamese
15	LÊ ANH SƠN	MRM	55-56	2	15			72	DMC	Vietnamese
16	BẠCH THIỆN HOÀI NHÂN	MRM	58-59	2	9			66	DMC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC THĂNG	MRM	57	1	12			60	DMC	Vietnamese
18	KOROTKOV VICTOR	MRM	50	1	9			130	AMHGP	Russian
19	LOGANOV VITALII	MRM	52	1	9			94	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	4	298	6	62	1	15	0		
2	MRM	15	1.136	17	140	4	123	2		
3	RC5	0	0	0	0	1	2	2		
TOTAL		19	1.434	23	202	6	140	4		
WEIGHT KG			1.434		202		140			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:15
B.CARD: VANG-4	TO: CTC1 - MRM	CREW: QVIỆT - SON - NNAM	ETA: 16:15
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1725	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ALEKSANDR BARILENKO	MRM	61	1	8			126	AMHTP	Russian
2	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	72	1	5			78	AMHTP	Russian
3	BOBRETISOV VADIM	MRM	62	1	6			83	AMHTP	Russian
4	GILAEV AZAT	MRM	63	1	6			95	AMHTP	Russian
5	PIKULSKII TIMUR	MRM	97	1	4			131	AMHTP	Russian
6	BOGOMOLOV DANIL	MRM	65	1	3			89	AMHTP	Russian
7	ABROSIMOV MAKSIM	MRM	66	1	4			86	AMHTP	Russian
8	KURAMAGOMEDOV GADZHI	MRM	99,500	2	12			96	AMHTP	Russian
9	MIZERA ROMAN	MRM	38-39	2	13			88	AMHTP	Russian
10	TRIFONOV STANISLAV	MRM						99	AMHTP	Russian
11	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	64	1	4			94	AMHTP	Russian
12	UVAISOV MAGOMED	MRM	68-69	2	19			76	AMHTP	Russian
13	KARNIUKHIN VITALII	MRM	71	1	14			67	AMHTP	Russian
14	BULGANIN DANIL	MRM	70	1	6			98	AMHTP	Russian
15	BREZHNEV ARTEM	MRM	67	1	3			81	AMHTP	Russian
16	VASILII SEMENOV	MRM	98	1	8			85	AMHTP	Russian
17	MIKHALEV ALEKSANDR	MRM	73	1	9			101	AMHTP	Russian
18	VANEEV ALEKSANDR	MRM	96	1	5			92	AMHTP	Russian
19	ZAKHARENKO VLADIMIR	MRM	95	1	5			97	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 2 PAX CTC1-MRM
2	MRM	19	1.762	21	134	0	0	0		
TOTAL		19	1.762	21	134	0	0	0		
WEIGHT KG			1.762		134		0			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SON

